

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2020/DS-ST

Ngày: 24/11/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui và đòi lại tài sản cho mượn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**
- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông: **Nguyễn Văn Ngư**

2/. Ông: **Trương Thoại Lượng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Thúy Vy** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hui**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2020/QĐST-DS ngày 27/10/2020; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:**

Bà **Lý Thị T**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Ông **Lâm R**, sinh năm 1981(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P có tham gia 02 dây hui (một dây hui tháng và một dây hui mùa), do bà Lý Thị T và ông Lâm R làm chủ hui:

Dây hui tháng: Mở ngày 25/11/2017 (Dương lịch), có 20 phần, mỗi phần: 1.000.000đ (Một triệu đồng), bà tham gia 04 phần, hót hết 03 phần, còn 01 phần chưa hót, bà đóng hui sống được 19 lần, lần cuối bà hót (lần 20) là: 19.000.000đ (trừ huê hồng 500.000đ, trừ 03 phần hui chết là 3.000.000đ), còn lại: 15.500.000đ, bà T và R trả được 1.000.000đ, còn nợ lại: **14.500.000đ.**

Dây hụi mùa: Mở ngày 15/11/2017 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần: 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bà tham gia 02 phần, chưa hốt, đóng được 05 lần mỗi phần (02 phần 10 lần), nếu tính lãi là: 30.000.000đ, còn vốn là: **21.000.000đ** (cụ thể đóng từng lần bà không nhớ).

Ngày 25/8/2017, bà P có cho bà T và R mượn 24.000.000đ, lúc mượn bà P có viết giấy (Biên nhận cho mượn tiền) cho bà T và R ký, thời gian mượn là 06 tháng, không có tính lãi, đã trả được 12.000.000đ, còn nợ lại: **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông R trả số tiền: 56.500.000đ (Trong đó tiền hụi 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lý Thị T và ông Lâm R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà T và ông R đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông và bà.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị T và ông Lâm R trả số tiền: 56.500.000đ (Trong đó tiền hụi 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ). Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng góp hụi” là chưa chính xác, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản cho mượn”

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị T và ông Lâm R trả số tiền: 56.500.000đ (Trong đó tiền hụi 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ).

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà P cho rằng dây hụi tháng: Mở ngày 25/11/2017 (Dương lịch), có 20 phần, mỗi phần: 1.000.000đ, bà tham gia 04 phần, hốt hết 03 phần, còn 01 phần hụi sống đóng được 19 lần, lần cuối bà hốt (lần 20) là: 19.000.000đ (trừ huê hồng 500.000đ, trừ 03 phần hụi chết là 3.000.000đ), còn lại: 15.500.000đ, bà T và ông R trả được 1.000.000đ, còn nợ lại: **14.500.000đ**. Dây hụi mùa: Mở ngày 15/11/2017 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần: 3.000.000đ, bà tham gia 02 phần, đóng hụi sống được 05 lần mỗi phần (02 phần là 10 lần), nếu tính lãi là: 30.000.000đ, còn vốn là: **21.000.000đ** (cụ thể đóng từng lần bà không nhớ).

Ngày 25/8/2017, bà P có cho bà T và ông R mượn 24.000.000đ, lúc mượn bà P có viết giấy (Biên nhận cho mượn tiền) cho bà T và ông R ký, thời gian mượn là 06 tháng, không có tính lãi, đã trả được 12.000.000đ, còn nợ lại: **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).

Tổng cộng tiền hụi và tiền mượn là: 56.500.000đ (Trong đó tiền hụi 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ). Nhưng tiền hụi bà bỏ lãi chỉ lấy vốn: 35.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ và rút lại một phần yêu cầu của tiền hụi là 9.000.000đ.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng bà P kiện yêu cầu bà T và ông R trả tiền 56.500.000đ (Trong đó tiền hội 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ), nhưng tiền hội bà bỏ lãi chỉ lấy vốn: 35.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ và rút lại một phần yêu cầu của tiền hội là 9.000.000đ. Xét thấy bà T và ông R đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý số 125/TB-TLVA ngày 15/7/2020; Thông báo về phiên họp, kiểm tra giao việc giao tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 125/TB-TA ngày 15/7/2020; Thông báo hoãn phiên họp, kiểm tra giao việc giao tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 421/TB-TA ngày 05/8/2020. Với nội dung bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông R trả tiền 56.500.000đ (Trong đó tiền hội 44.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ), tại phiên Tòa hôm nay bà P rút lại một phần yêu cầu của tiền hội 9.000.000đ, nhưng về phía bà T và ông R không phản đối, ý kiến gì đối với yêu cầu của bà P đưa ra, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì yêu cầu của bà P là có căn cứ.

Còn tại phiên tòa hôm nay, bà P xin rút lại một phần yêu cầu của số tiền hội 9.000.000đ (Chín triệu đồng), là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu của bà Phần với số tiền: 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

[6] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị P là có cơ sở chấp nhận. Do đó áp dụng Điều 471; Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc vợ chồng ông Lâm R, bà Lý Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền: 47.500.000đ (Trong đó tiền hội: 35.500.000đ, tiền mượn) 12.000.000đ) là có căn cứ.

Về án phí: Ông Lâm R, bà Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 47.500.000đ x 5% = 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 471; Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng: Điều 17 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về hộ, hội, biên, phường.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P kiện ông Lâm R, bà Lý Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội và đòi lại tài sản cho mượn".

Buộc ông Lâm R , bà Lý Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là: 47.500.000đ (**Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng**), trong đó (tiền hội: 35.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ)

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P đối với số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Về án phí:

Ông Lâm R , bà Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.412.500đ (Một triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai số: 0005152 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lâm R, bà Lý Thị T còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi....giờ...ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông **Trương Thoại Lượng**

2/. Ông **Nguyễn Văn Ngự**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng góp hội và đòi lại tài sản cho mượn", giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Phấn**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:**

Bà **Lý Thị Tiếng**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Ông **Lâm Rol**, sinh năm 1981(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Xây Cáp, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO HỎI LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, HĐXX biểu quyết 3/3 thống nhất với các nội dung phán quyết sau đây:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 471; Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 17 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về hộ, hội, biểu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phấn kiện ông Lâm Rol, bà Lý Thị Tiếng về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội và đòi lại tài sản cho mượn".

Buộc ông Lâm Rol, bà Lý Thị Tiếng phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phấn số tiền là: 47.500.000đ (**Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng**), trong đó (tiền hội: 35.500.000đ, tiền mượn 12.000.000đ)

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phấn đối với số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Về án phí:

Ông Lâm Rol, bà Lý Thị Tiếng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Phần không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phần số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.412.500đ (Một triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai số: 0005152 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Phần có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lâm Rol, bà Lý Thị Tiếng còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Phần theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 24 tháng 11 năm 2020

Biên bản làm xong đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh

